TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - ĐIỆN BIÊN** T1 ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **59**/2026/QĐST- HNGĐ	*Điện Biên, ngày 24 tháng 3 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 122/2026/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2026 giữa:

- Ông **Lò Văn T**; Địa chỉ: Bản N, xã N, huyện M(nay là Bản N, xã N1), T1 Điện Biên.

- Bà **Lò Thị S**; Địa chỉ: Bản N, xã N, huyện M(nay là Bản N, xã N1), T1 Điện Biên.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 3 năm 2026.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 3 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Lò Văn T và bà Lò Thị S.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Ông Lò Văn T và bà Lò Thị S thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông Lò Văn T và bà Lò Thị S có ba con chung là cháu Lò Thị T1, sinh ngày 01/01/1995; cháu Lò Văn Đ, sinh ngày 27/4/1996 và cháu Lò Thị Củng, sinh ngày 09/4/1999. Các cháu đều đã thành niên, phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Căn cứ khoản 3, khoản 4 Điều 147/BLTTDS năm 2015; Khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản

lý và sử dụng án phí và lệ phí: Do ông Lò Văn T tự nguyện chịu toàn bộ án phí theo quy định nên ông T phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) đối với án phí dân sự sơ thẩm (án phí ly hôn), nhưng ông T được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000100 ngày 24 tháng 02 năm 2026 của Thi hành án dân sự T1 Điện Biên. Trả lại cho ông T số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 1 – Điện Biên;
- THADS T1 Điện Biên;
- TAND T1 Điện Biên;
- UBND xã N1
(Nơi đăng ký kết hôn);
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu KT, VP.

THẨM PHÁN

(đã ký, đóng dấu)

Trần Thị Thu Trà